

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2022

“V/v kiện xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn
2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 28/11/2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T sinh năm 1973. ĐKNKTT: thôn Đ, xã B, TP ĐH, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1973. ĐKNKTT: thôn Đ, xã B, TP. ĐH, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/9/2022, được bổ sung tại bản tự khai, phiên hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Vợ chồng kết hôn theo phong tục tập quán vào ngày 03/12/1996 nhưng đến ngày 22/02/2000 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, hai vợ chồng sống chung cùng nhau từ 1993 đến năm 2000 thì anh đi xuất khẩu lao động Đài Loan, năm 2004 thì về nước, năm 2006 lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và đến 2022 thì bị trục xuất về nước. Vợ chồng xảy ra những mâu thuẫn tình cảm từ lâu, ở xa nhau không có biện pháp khắc phục, lâu dần mất hết tình cảm. Nay về nhà nhưng mâu thuẫn

ngày càng nhiều, hay cãi nhau hơn và hiện không còn quan tâm nhau, ai tự lo nấy. Nguyên vọng xin được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: anh T khai có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1993 và Trần Thị Linh Đ, sinh năm 1998, hiện đều đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh T khai vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

* Bản trình bày, quá trình hoà giải và tại phiên toà, chị Châu trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Vợ chồng đăng ký kết hôn ngày tháng năm và nơi đăng ký như anh T trình bày. Đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chung sống cùng nhau được 7 năm có 2 mặt con thì vì cuộc sống kinh tế khó khăn nên bàn bạc để anh T đi làm ăn xa, còn chị ở nhà chăm con nhỏ cùng bố mẹ già. Nhưng vợ chồng sống xa cách nhau thì mất dần tình cảm, anh có người khác không quan tâm chia sẻ với chị về tình cảm lẫn kinh tế. Nay xác định tình cảm không còn nhưng đề nghị giải quyết tài sản chung xong thì chị mới đồng ý ly hôn, chị không nín kéo tình cảm.

- Về quan hệ con chung: chị C cũng khai có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1993 và Trần Thị Linh Đ, sinh năm 1998, hiện đều đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải vụ án, tại bản tự khai chị không yêu cầu giải quyết nhưng tại phiên hoà giải chị có khai tài sản chung gồm 01 nhà và đất tại thôn ĐD, xã B và khoản nợ mà chị C vay mượn trong thời gian anh T đi nước ngoài, chị vay để nuôi con và trang trải cuộc sống với số tiền là 700.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi tài sản và chia đôi nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Văn T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới và lựa chọn hoà giải theo luật Hoà giải đối thoại nhưng không có kết quả. Toà án thụ lý giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn chị Nguyễn Thị C có địa chỉ cư trú: xã B, thành phố ĐH. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án tiến hành thông báo về phiên hòa giải và tiếp cận chứng cứ theo quy định. Hoà giải lần 1 không thành, nguyên đơn

không mong muốn hoà giải vì đã tiến hành hoà giải theo Luật hoà giải nhiều lần rồi và đề nghị đưa vụ án ra xét xử. Do đó vụ án thuộc trường hợp hoà giải không thành nên ngày 28/11/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 181/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2022.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp, đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T phải đi làm ăn kinh tế xa, trong thời gian vợ chồng sống xa nhau về địa lý với thời gian quá dài nên hai bên không còn tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến không còn tôn trọng nhau, không còn tình cảm, không thể thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Khi về nước, anh chị không thể ngồi chung để bàn bạc tháo gỡ mâu thuẫn mà chỉ cãi nhau, xúc phạm nhau. Cả hai anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là đúng như vậy. Anh có nguyện vọng xin ly hôn, mặc dù chị xác định tình cảm không còn, không níu kéo nhưng không đồng ý ly hôn và mong muốn giải quyết tài sản xong mới ly hôn. Tuy nhiên chị không có biện pháp nào để giải quyết mà để mặc. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho anh T được ly hôn chị C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T và chị C đều thừa nhận quá trình chung sống có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1993 và Trần Thị Linh Đ, sinh năm 1998, hiện đều đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung; chị C yêu cầu giải quyết tài sản chung gồm 01 nhà, đất tại thôn Đ D, xã B và nợ 700.000.000đ nhưng không xuất trình giấy tờ chứng minh yêu cầu nên HĐXX không có cơ sở xem xét. Khi nào có đủ căn cứ thì chị có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình tuyên xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử: Buộc anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Số tiền anh phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số 31AA/2021/0001250 ngày 29 tháng 9 năm 2022.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- UBND xã B,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- lưu án;

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhân